

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2005/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành cước dịch vụ điện thoại quốc tế do Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam cung cấp****BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam tại Công văn số 2901/GCTT ngày 18/5/2005 về việc phê duyệt phương án cước quốc tế chiều đi năm 2005;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Nay ban hành cước dịch vụ

điện thoại quốc tế do Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam cung cấp tại nhà thuê bao như sau:

1. Mức cước thông tin:**1.1. Đối với dịch vụ điện thoại quốc tế mạng PSTN****a) Quay số tự động (IDD):**

- Mức cước tối đa: 0,80 USD/phút (0,08 USD/Block 6 giây).

- Mức cước tối thiểu: 0,55 USD/phút (0,055 USD/Block 6 giây).

b) Gọi qua điện thoại viên (đăng ký qua tổng đài quốc tế): mức cước và phương thức tính cước do doanh nghiệp tự quyết định.

1.2. Đối với dịch vụ điện thoại quốc tế mạng NGN 64 Kbps sử dụng thẻ trả tiền trước:

- Mức cước tối đa không cao hơn so với mức cước thông tin dịch vụ điện thoại quốc tế mạng PSTN tương ứng.

- Mức cước tối thiểu không thấp hơn 10% so với mức cước thông tin dịch vụ điện thoại quốc tế mạng PSTN tương ứng.

1.3. Đối với dịch vụ điện thoại IP quốc tế (VoIP) trả sau:

- Mức cước tối đa: 0,60 USD/phút (0,06 USD/Block 6 giây).

- Mức cước tối thiểu: 0,50 USD/phút (0,05 USD/Block 6 giây).

1.4. Đối với dịch vụ điện thoại IP quốc tế (VOIP) sử dụng thẻ trả tiền trước và dịch vụ điện thoại quốc tế NGN 8 Kbps sử dụng thẻ trả tiền trước:

- Mức cước tối đa: 0,50 USD/phút (0,05 USD/Block 6 giây).

- Mức cước tối thiểu: 0,42 USD/phút (0,042 USD/Block 6 giây)

2. Phương thức tính cước:

Đơn vị thời gian tính cước được tính theo phút đầu và Block 6 giây cho thời gian liên lạc tiếp theo. Cuộc gọi chưa đến một phút được tính cước một phút. Phần lẻ thời gian cuối cùng của cuộc gọi nếu chưa đến 6 giây được tính thành một Block 06 giây.

3. Cước dịch vụ điện thoại quốc tế đối với thuê bao Fax và thuê bao truyền số

liệu trong băng thoại tiêu chuẩn (truyền số liệu qua đường dây thuê bao điện thoại) được áp dụng như đối với cước dịch vụ điện thoại quốc tế tương ứng được quy định tại khoản 1; khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

Điều 2. Tại các điểm công cộng ngoài mức cước dịch vụ được quy định tại Điều 1 của Quyết định này, doanh nghiệp được quyền thu thêm cước phục vụ. Mức cước phục vụ do doanh nghiệp quản lý điểm công cộng quyết định nhưng phải đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại quốc tế.

Điều 3. Mức cước quy định tại Điều 1 của Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam:

1. Căn cứ các quy định tại Điều 1, 2, và 3 của Quyết định này, ban hành mức cước cụ thể cho dịch vụ điện thoại quốc tế đến từng nước. Khi ban hành Quyết định các mức cước cụ thể theo thẩm quyền, Tổng Công ty có trách nhiệm thông báo với Bộ Bưu chính, Viễn thông 10 ngày trước khi Quyết định có hiệu lực.

2. Quy định mức giảm cước dịch vụ điện thoại quốc tế quy định tại Điều 1 của Quyết định này trong các ngày lễ và ngày nghỉ bù của các ngày lễ, ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và từ 23 giờ ngày hôm trước đến 7 giờ sáng ngày hôm sau các

ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu nhưng mức giảm không được vượt quá 30%.

3. Quy định việc giảm cước cho các đối tượng khách hàng lớn, khách hàng đặc biệt với mức giảm không được vượt quá 10% và không phân biệt đối xử giữa các khách hàng.

Điều 5. Các quy định của Quyết định này được áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ điện thoại quốc tế của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau

15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 7. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thủ trưởng

Lê Nam Thắng